

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 02 tháng 6 năm 2020
V/v “*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp
nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ và ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “*Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Puih H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Làng J, xã I, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Siu N, sinh năm 1975, nơi cư trú: Làng B, xã I, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Ông Ksor H, nơi công tác: Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 22/10/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Puih H trình bày:

Giữa chị và Anh Siu N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện I, tỉnh G, số 03/1998 ngày 15/12/1998. Giữa chị H và anh N có 02 người con chung, cháu Puih A, sinh ngày 27/5/1999, đã đủ khả năng tự lập và cháu Puih B, sinh ngày 27/11/2003. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Giữa hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài, đã được thôn trưởng, già làng hòa giải tại làng nhiều lần nhưng không thành. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với Anh Siu N.
- Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Puih B vì lý do từ khi ly thân, cháu B đã sống chung với chị và chị có đủ khả năng nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Siu N: Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh Siu N từ chối nhận văn bản tố tụng, vắng mặt, không có ý kiến, yêu cầu và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của cháu Puih B: Có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ.

Kết quả xác minh của Tòa án: Giữa chị Puih H và Anh Siu N đã ly thân nhiều năm và đã được hòa giải, giải quyết việc ly hôn tại làng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, nguyên đơn là đúng quy định, bị đơn chưa tuân thủ đúng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Siu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[2] Chị Puih H và Anh Siu N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Puih H: Theo kết quả xác minh tại địa phương và Biên bản hòa giải ngày 05/11/2015 tại Làng B, xã I, huyện I, tỉnh G, thể hiện giữa chị H và Anh Siu N phát sinh mâu thuẫn hôn nhân, đã được hòa giải nhưng không thành. Giữa chị H và anh N đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài, không còn quan tâm, chia sẻ, thực hiện công việc chung của gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị H và Anh Siu N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại các điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Puih H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con dưới 18 tuổi là cháu Puih B, Anh Siu N không có ý kiến phản đối. Xét chị H đủ khả năng để trực tiếp nuôi con, đồng thời trên thực tế cháu B do chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly thân, phù hợp với nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Anh Siu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tuy nhiên phải tôn trọng, không được lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con khi chị H không còn đủ điều kiện nuôi con theo quy định tại điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình

[5] Về án phí: Chị Puih H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 39, 144, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Puih H và Anh Siu N.

2. Về con chung: Chị Puih H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Puih B, sinh ngày 27/11/2003, cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Siu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi chị Puih H không còn đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Puih H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005837 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- UBND xã I, huyện I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy